

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và tiền cấp dưỡng nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Trường.

Bà Nguyễn Thị Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi làm việc: Phòng K huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị D; sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi làm việc: Trường Mầm non Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, bản tự khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Trước khi kết hôn với chị Hoàng Thị D được tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/02/2010 tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn từ năm 2014 do vợ hay ghen tuông, nhảm nhí, gọi điện chửi anh, khi vợ chồng xây nhà ở tại thôn B, xã Y thì vợ bắt đầu kinh doanh hàng online kem tan mỡ và đầu tư vào đó không hề đầu tư tiền làm nhà, toàn bộ nhà cửa, đồ dùng đến sinh hoạt ăn uống gia đình, tiền ăn cho hai con đều do anh lo hết. Cuối năm 2019 chị D tự ý thế chấp lương vay tiền Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và vay trực tuyến qua Fecredit không thông báo cho anh biết, ngoài ra vay tiền anh em trong gia đình, dẫn đến

không có khả năng trả nợ đã bán 02 xe máy để trả nợ. Khi phát hiện ra mới biết chị D vay tiền không có khả năng trả nợ nên anh B phải vay mượn anh em và tích góp tiền lương hằng tháng để đi trả nợ cho đến nay, từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân gia đình không hạnh phúc. Mức thu nhập lương do cơ quan chi trả mỗi tháng là 6.922.764đ (*Sáu triệu chín trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng*). Ngoài ra không có thu nhập thêm gì. Thời gian vợ chồng chung sống có 02 con chung: Nguyễn Hải D, sinh ngày 26/3/2011 đang học lớp 5 Trường Tiểu học Y, huyện B và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/2014 đang học lớp 2 tại trường Tiểu học Y, huyện B; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết nên không kê khai.

Tại phiên tòa yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với chị Hoàng Thị D; về con chung để cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 26/3/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/2014 mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có đề nghị thêm gì.

Bị đơn chị Hoàng Thị D tại bản tự khai, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa trình bày: Về thời gian xây dựng gia đình, tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày là đúng đến thời điểm tại phiên tòa hôm nay. Ngoài ra chị D bổ sung thêm nguyên nhân mâu thuẫn gia đình khi chị D kinh doanh kem tan mỡ đã thông báo cho anh Nguyễn Văn B biết. Mức thu nhập chị D do nhà trường chi trả mỗi tháng 6.557.722đ (*Sáu triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm đồng*), ngoài ra không có thu nhập khác.

Tại phiên tòa yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Văn B; về con chung được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 26/3/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Ngọc L mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không đề nghị thêm gì.

Tại bản tự khai con chung của anh Nguyễn Văn B và chị Hoàng Thị D. Nguyên vọng của hai cháu Nguyễn Hải D và Nguyễn Thị Ngọc L, nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ đẻ Hoàng Thị D.

- Về tình trạng mâu thuẫn gia đình: Ngày 29/11/2021 trưởng thôn B và UBND xã Y cung cấp cho biết anh Nguyễn Văn B và chị Hoàng Thị D nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do vợ chồng làm cán bộ nên không biết việc mâu thuẫn gia đình; ngày 22/12/2021 đại diện công đoàn và trường Mầm non Y cung cấp anh B và chị D có mâu thuẫn gia đình năm 2021 cụ thể do ai không biết vì chị D

công tác điểm trường. Tuy nhiên tại phiên tòa chị D khai ngày 19/10/2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn có báo hiệu trường và hiệu phó nhà trường biết và xin nghỉ giải quyết việc gia đình về khoản nợ thì Ban giám hiệu nhà trường mới biết nhưng không nói cụ thể. Nhận thấy việc trường mần non cung cấp thôn tin không đầy đủ cần rút kinh nghiệm.

- Ngày 07/12/2021 và ngày 21/12/2021 Tòa án tiến hành hòa giải các đương sự đã thống nhất được toàn bộ giải quyết vụ án. Quan hệ hôn nhân thuận tình ly hôn; Con chung thỏa thuận giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Hải D và cháu Nguyễn Thị Ngọc L cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc L mỗi tháng 1.500.000đ; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết; về án phí anh B tự nguyện chịu tiền án phí, chị D không phải chịu tiền án phí. Tuy nhiên hòa giải lần thứ nhất ngày 07/12/2021 chị D yêu cầu anh B hỗ trợ 20 triệu đồng, anh B không nhất trí và hòa giải lần thứ hai ngày 21/12/2021 chị D yêu cầu anh B hỗ trợ 15 triệu đồng, anh B nhất trí sau khi làm giấy tờ xong chị D nhận đủ số tiền 15.000.000đ lại nài ra lý do nhất trí ly hôn nhưng phải chờ cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 26/3/2011 học xong lớp 5 mới ly hôn.

Tranh luận phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan như việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 58, 68, 69, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

Về quan hệ hôn nhân đề nghị tuyên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hoàng Thị D; về con chung công nhận sự thỏa thuận của đương sự giao cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hải D và cháu Nguyễn Thị Ngọc L cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Thị Ngọc L mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết, nên không đề xem xét giải quyết.

Về án phí nguyên đơn anh Nguyễn Văn B phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hoàng Thị D trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa anh B và chị D có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có kinh doanh ngoài dẫn đến có nợ người khác từ đó vợ chồng không tin tưởng nhau và cảm thông chia sẻ với nhau, từ đó mỗi người có một cách sống khác nhau, trong tình cảm vợ chồng chung sống luôn nghi ngờ nhau không tin tưởng nhau, cuộc sống chung không có tiếng nói chung. Từ năm 2014 đến nay luôn xảy ra mâu thuẫn, qua xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú là có thật như anh B và chị D trình bày tại phiên tòa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng tình cảm không còn, hôn nhân không tồn tại, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù Tòa đã cố gắng hòa giải 02 lần để cho vợ chồng quay về đoàn tụ hàn gắn lại những vết dạn nứt, để cùng nhau nuôi dạy các con khôn lớn như bao gia đình khác. Tại phiên tòa anh B và chị D đều đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa anh B với chị D là phù hợp với quy định Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh B và chị D thống nhất có 02 con chung. Xét sự thỏa thuận của các đương sự, chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải D và cháu Nguyễn Thị Ngọc L cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Thị Ngọc L mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc L đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu L, phù hợp với quy định các Điều 58, 68, 69, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung anh B và chị D thống nhất không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hoàng Thị D.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hoàng Thị D.

Giao cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 26/3/2011 và cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/2014 mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ngọc L đủ 18 tuổi, chị Hoàng Thị D là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con không cố định.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ. Tổng cộng 600.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ anh Nguyễn Văn B đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0006509 ngày 02/11/2021, anh Nguyễn Văn B phải nộp thêm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Chị Hoàng Thị D không phải chịu tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**